

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY BẢO LÂM

*

Số 871 -CV/HU

V/v Báo cáo công tác tiếp dân, giải
quyết khiếu nại, tố cáo
Quý I-năm 2023

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bảo Lâm, ngày 13 tháng 3 năm 2023

- Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân huyện,
 - UBKT, Văn phòng Huyện ủy,
 - Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể huyện,
 - Các cơ quan khối Nội chính huyện,
 - Đảng ủy các xã, thị trấn.
 - Ban Tiếp công dân của huyện.

Căn cứ Công văn số 940-CV/BNCTU, ngày 18/11/2021 của Ban Nội chính Tỉnh ủy về báo cáo thực hiện thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐ/TW của Bộ chính trị; **Thường trực Huyện ủy có ý kiến như sau:**

1. Đề nghị UBND huyện, UBKT, Văn phòng Huyện ủy, các cơ quan khối Nội chính huyện, Đảng ủy các xã, thị trấn, Ban Tiếp công dân huyện xây dựng báo cáo Quý I năm 2023 về thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị “**về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo**”; Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị “**về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực**” và Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/02/2019 của Bộ chính trị “**về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân**” **theo đề cương và phục lục đính kèm.**

2. Thời hạn gửi báo cáo gửi về Văn phòng Huyện ủy bằng văn bản giấy (có ký và đóng dấu) và file Word qua địa chỉ Email: Hubaolam@lamdong.gov.vn, trước ngày **25/03/2023** để tổng hợp, báo cáo cho Ban Nội Chính Tỉnh ủy theo quy định.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Như kính gửi,
- Lưu: VPHU, TH.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Việt Cường

ĐỀ CƯƠNG**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW,
Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW¹ Quý I-2023****I. Tình hình khiếu nại, tố cáo**

Khái quát tình hình khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị ở địa phương (số lượng vụ việc, tăng hay giảm, tính chất, mức độ phức tạp... so với năm trước), tình hình người tố cáo bị trả thù, trù dập, tình hình người tố cáo có yêu cầu được bảo vệ (tăng hay giảm so với năm trước) thuộc lĩnh vực, địa bàn địa phương lãnh đạo, quản lý.

II. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị**1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng**

1.1. Lãnh đạo việc tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị và các quy định pháp luật liên quan về công tác tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC), bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (viết tắt là bảo vệ người tố cáo).

- Các hình thức được cấp ủy, tổ chức đảng tuyên truyền, phổ biến, (hội nghị, phát hành tài liệu, qua phương tiện thông tin đại chúng,...);

- Số lượng các cuộc hội nghị, số tài liệu được phát hành, số lượt người được tham dự... qua tuyên truyền, phổ biến.

- Đánh giá kết quả tuyên truyền, phổ biến (nhận thức của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức về vị trí, vai trò của công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, về công tác bảo vệ người tố cáo và trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác này).

1.2. Ban hành văn bản của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền để lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị

- Văn bản do cấp ủy, tổ chức đảng, địa phương ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị (nêu số lượng và tên một số văn bản tiêu biểu).

¹ Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

- Văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương ban hành theo thẩm quyền đề thể chế, cụ thể hóa Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW, Quy định số 11-QĐi/TW và các văn bản của cấp trên (*nêu số lượng và tên một số văn bản tiêu biểu*).

- Đánh giá tính kịp thời, sự phù hợp, khả thi của văn bản được ban hành.

1.3. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác phối hợp trong công tác tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo

- Ban hành văn bản, tổ chức hội nghị, cuộc họp, giao ban để lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc thẩm quyền trong công tác phối hợp.

- Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo trong việc phối hợp, nhất là phối hợp giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp, nổi cộm, kéo dài ở địa phương; phối hợp trong công tác bảo vệ người tố cáo.

1.4. Lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra trong tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo

- Ban hành văn bản đề chỉ đạo, đôn đốc công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, thanh tra về công tác tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo (*số cuộc kiểm tra, giám sát do Ban thường vụ cấp ủy các cấp và UBKT các cấp thực hiện; số cuộc thanh tra trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp dân do cơ quan thanh tra thực hiện; số cuộc giám sát do HĐND, do MTTQVN huyện, thành phố thực hiện; số cơ quan, đơn vị được kiểm tra, giám sát, thanh tra; kết quả phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo; kết quả xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định; việc công khai kết quả xử lý*).

- Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo.

1.5. Lãnh đạo, chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng đạo đức công vụ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo; bố trí địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân

- Lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đạo đức công vụ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp công dân, tham mưu giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo; việc bố trí địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân.

- Đánh giá số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp công dân, tham mưu giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo.

1.6. Lãnh đạo các cơ quan chức năng và cơ quan thông tin đại chúng trong việc cung cấp thông tin về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, phát huy vai trò của cơ quan thông tin đại chúng trong bảo vệ người tố cáo

- Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý trong việc cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tin đại chúng trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo.

- Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng trong việc thông tin góp phần định hướng dư luận xã hội và hỗ trợ công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

- Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và vai trò của cơ quan thông tin đại chúng trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo.

2. Kết quả công tác tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo

2.1. Công tác tiếp công dân

Tóm tắt kết quả công tác tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC của Bí thư huyện ủy, thành ủy; Bí thư cấp xã, phường, thị trấn; Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã, phường, thị trấn về số cuộc, số lượt người, số vụ việc, số đoàn đông người; kết quả xử lý, giải quyết. Đánh giá kết quả công tác tiếp công dân (*thực hiện thời gian tiếp công dân theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hiệu quả tiếp công dân, giải quyết KNTC*).

2.2. Công tác giải quyết KNTC

Tình hình KNTC phát sinh tại địa phương (*tổng số vụ việc KNTC và số vụ việc KNTC đông người, phức tạp, nổi cộm, kéo dài*); nội dung KNTC chủ yếu. Đánh giá kết quả giải quyết các vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, thành phố và UBND cấp xã, phường, thị trấn (*số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết; số vụ việc đã giải quyết, trong đó số vụ việc đã giải quyết dứt điểm không còn KNTC*).

** Lưu ý: Các vụ việc khiếu nại, tố cáo về tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết các cơ quan tư pháp cấp huyện do các ngành dọc cấp tỉnh báo cáo nên các huyện ủy, thành ủy không cần thống kê và báo cáo.*

2.3. Công tác bảo vệ người tố cáo

Tình hình liên quan đến bảo vệ người tố cáo ở địa phương (*số người yêu cầu được bảo vệ; nội dung yêu cầu bảo vệ chủ yếu; số người được cơ quan chức năng áp dụng biện pháp bảo vệ; số người bị xử lý do trả thù, trù dập; số người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền bị xử lý do để xảy ra*

tình trạng người tố cáo, phản ánh, tố giác bị trả thù, trù dập). Đánh giá kết quả bảo vệ người tố cáo, nhất là niềm tin của người dân đối với cấp ủy, chính quyền, các cơ quan chức năng trong công tác này.

III. Hạn chế và nguyên nhân

1. Hạn chế

Đánh giá những hạn chế chủ yếu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp và quy định mà Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW đã nêu, nhất là những hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền về công tác tiếp công dân, xử lý phản ánh, kiến nghị, giải quyết KNTC; hạn chế trong công tác bảo vệ người tố cáo.

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan.
 - + Liên quan từ cơ chế, chính sách (*nêu rõ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hiện nay về tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo và các quy định pháp luật để nảy sinh KNTC*);
 - + Việc phối hợp trong công tác;
 - + Nguyên nhân khác.
- Nguyên nhân chủ quan.
 - + Liên quan từ nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo;
 - + Liên quan trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo, trong đó có việc chấp hành kỷ luật công vụ;
 - + Liên quan từ tổ chức, bộ máy, năng lực, phẩm chất cán bộ; chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo;
 - + Nguyên nhân khác.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ

1. Dự báo tình hình KNTC, nhu cầu bảo vệ người tố cáo thuộc địa bàn địa phương lãnh đạo, quản lý thời gian tới.

- Tình hình thế giới, khu vực, tình hình trong nước và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong thời gian tới có tác động đến việc KNTC của người dân.

- Dự báo tình hình KNTC và nhu cầu người tố cáo cần được bảo vệ thuộc lĩnh vực, địa bàn địa phương quản lý (*tăng hay giảm*).

2. Phương hướng, nhiệm vụ

- Về hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo và chính sách, pháp luật đang làm phát sinh KNTC.

- Về tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

- Về phát huy, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chủ tịch UBND các cấp trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

- Về công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng với nhau; giữa cơ quan chức năng của Trung ương với địa phương trong tiếp công dân, giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

- Phương hướng, nhiệm vụ khác.

V. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Bộ Chính trị liên quan đến nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW, Chỉ thị số 27-CT/TW và Quy định số 11-QĐi/TW (*nếu có cần nêu rõ nội dung nào cần sửa đổi, nội dung nào cần bổ sung; hướng sửa đổi, bổ sung*).

2. Đối với việc hoàn thiện chính sách, pháp luật (*nêu cụ thể những chính sách, những văn bản pháp luật cần hoàn thiện và hướng hoàn thiện*).

3. Đối với việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng với nhau, giữa địa phương với các cơ quan Trung ương trong việc tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo (*phương pháp, cách thức phối hợp*).

4. Các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

5. Về việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ trong công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC; tính trách nhiệm trong công tác bảo vệ người tố cáo.

6. Về điều kiện làm việc, công tác đào tạo, bồi dưỡng, chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC, bảo vệ người tố cáo.

7. Các kiến nghị, đề xuất cụ thể khác./.

PHỤ LỤC 01

Kết quả công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý phản ánh, kiến nghị của dân theo Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/2/2019 của người đứng đầu cấp ủy

STT	Nội dung		Tổng cộng	Bí thư huyện ủy, thành ủy	Bí thư cấp ủy xã, phường thị trấn
1	Số cuộc tiếp dân	Định kỳ			
		Đột xuất			
2	Số lượt người	Định kỳ			
		Đột xuất			
3	Số đoàn đông người				
4	Số vụ việc phản ánh, kiến nghị, KNTC về suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên qua các cuộc tiếp dân				
5	Số vụ việc người dân phản ánh, kiến nghị, KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết	Đã giải quyết không còn phản ánh, kiến nghị, KNTC			
		Đã giải quyết còn phản ánh, kiến nghị, KNTC			
		Đang giải quyết			
6	Số vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết	Đã xử lý, chỉ đạo, hướng dẫn người phản ánh, kiến nghị, KNTC đến cơ quan chức năng, người có thẩm quyền			
		Lưu theo quy định			

PHỤ LỤC 02
Kết quả tiếp dân, giải quyết KNTC của Chủ tịch UBND các cấp

STT	Nội dung		Tổng cộng	Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố	Chủ tịch UBND cấp xã, phường, thị trấn
1	Số cuộc tiếp dân	Định kỳ			
		Đột xuất			
2	Số lượt người	Định kỳ			
		Đột xuất			
3	Số vụ việc KNTC				
4	Số đoàn đông người				
5	Số vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết	Đã giải quyết không còn KNTC			
		Đã giải quyết còn KNTC			
		Đang giải quyết			
6	Số vụ việc KNTC không thuộc thẩm quyền giải quyết	Đã hướng dẫn hoặc chuyển cơ quan, người có thẩm quyền			
		Lưu theo quy định			

PHỤ LỤC 03
Tình hình, kết quả bảo vệ người tố cáo trong địa phương

Các trường hợp yêu cầu được bảo vệ				Các trường hợp được cơ quan chức năng áp dụng biện pháp bảo vệ				Các trường hợp KNTC về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bị trả thù, trù dập/ bị đe dọa trả thù, trù dập				Các trường hợp bị xử lý do hành vi trả thù, trù dập			Các trường hợp người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền bị xử lý do buông lỏng lãnh đạo, quản lý để người tố cáo bị trả thù, trù dập
Vị trí công tác, việc làm	Tính mạng, sức khỏe	Tài sản	Danh dự, nhân phẩm	Vị trí công tác, việc làm	Tính mạng, sức khỏe	Tài sản	Danh dự, nhân phẩm	Sa thải, cắt chức, chuyển đổi đơn vị, vị trí công tác	Đe dọa/xâm phạm tính mạng, sức khỏe	Đe dọa/xâm phạm tài sản	Đe dọa/xâm phạm danh dự, nhân phẩm	Kỷ luật Đảng	Hành chính	Hình sự	

Lưu ý: thống kê ghi rõ họ tên

PHỤ LỤC 04**Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát về công tác tiếp dân,
giải quyết khiếu nại, tố cáo và bảo vệ người tố cáo**

TT	Diễn giải		Cấp huyện
1	Số cuộc thanh tra do thanh tra huyện, thành phố thực hiện	Theo kế hoạch	
		Đã thực hiện	
		Đột xuất	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra		
3	Số cuộc kiểm tra do UBKT huyện ủy, thành ủy thực hiện	Theo chương trình	
		Đã thực hiện	
		Đột xuất	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra		
5	Số cuộc giám sát do HĐND, MTTQVN huyện, thành phố thực hiện		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được giám sát		
7	Số người vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo	Bị kỷ luật Đảng	
		Xử lý về chính quyền	
		Xử lý theo pháp luật	
		Chưa đến mức bị xử lý	
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC và bảo vệ người tố cáo		

